

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **03/2021/KDTM-ST**

Ngày 15 tháng 01 năm 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Bá Xuân**

2. Ông **Lê Minh Mãi**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa.

Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số **73/2020/TLST – KDTM** ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **375/2020/QĐST-KDTM** ngày 30 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số **214/QĐST-HPT** ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T (HDBank)**; địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quốc Thanh - Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Tuấn Giang - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Miền Bắc - Ngân hàng HDBank theo Quyết định ủy quyền số **697/2020/QĐ-TGD** ngày 08/4/2020; Người đại diện theo ủy quyền lại: ông **Nguyễn Tiến Bắc** (0966.694.272), ông **Nguyễn Tiến Dũng** (0983.719.005) theo Giấy ủy quyền số **378a/2020/TTXLNMB** ngày 22/6/2020. Ông Bắc có mặt.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm 1966; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 342 đường B, phường V, quận B, thành phố Hà Nội. Bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do;

- Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1960; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 708 đường H, phường B, quận T, thành phố Hà Nội. Ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đỗ Hùng S**, sinh năm 1952 và bà **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm 1960; Đăng ký hộ khẩu thường trú: số 314 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Ông S, bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tiến Bắc trình bày:*

Ngày 01/10/2015 Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hoàn Kiếm sau đây gọi tắt là HDBank và ông Trần Văn H cùng vợ là bà Nguyễn Thị Bích L đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0363/15/HĐTDTDH-CN/199; Ngày 23/9/2016 HDBank và Ông H cùng vợ là Bà L đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 4063/16/HĐTDTDH-CN/197; Ngày 13/12/2017 HDBank và Ông H cùng vợ là Bà L đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6311/17/MB/HĐTD. Đối với những hợp đồng tín dụng này Bà L và Ông H đã tắt toán toàn bộ khoản vay trên.

Ngày 11/09/2018 HDBank và Ông H cùng vợ là Bà L đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6133/18MB/HĐTD, số tiền hạn mức: 18.900.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn điều lệ kinh doanh nhập sữa các loại, đồ dùng trẻ em, hàng tạp hóa các loại; thời hạn vay và lãi suất theo từng Khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả: 10%/năm và có thể được điều chỉnh. HDBank đã giải ngân số tiền 18.900.000.000 đồng theo các Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ từ số 01 đến số 14.

- Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD ĐNGN-KUNN/CN/01 ngày 13/9/2018: Số tiền phát vay: 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 11%/năm; Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN/02 ngày 06/12/2018: Số tiền phát vay: 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN/03 ngày 14/12/2018: Số tiền phát vay: 2.650.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN04 ngày 20/12/2018: Số tiền phát vay: 850.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN05 ngày 25/12/2018: Số

tiền phát vay: 1.420.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN/06 ngày 04/01/2019: Số tiền phát vay: 500.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN/07 ngày 11/01/2019: Số tiền phát vay: 2.130.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN/08 ngày 21/01/2019: Số tiền phát vay: 1.690.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN09 ngày 25/01/2019: Số tiền phát vay: 1.700.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN10 ngày 28/01/2019: Số tiền phát vay: 700.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN11 ngày 30/01/2019: Số tiền phát vay: 520.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN12 ngày 31/01/2019: Số tiền phát vay: 840.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN13 ngày 08/3/2019: Số tiền phát vay: 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN14 ngày 13/3/2019: Số tiền phát vay: 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm.

Tài sản thế chấp bảo đảm:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 314 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 545500, số vào sổ cấp GCN: CS 21190 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/08/2015 cho ông Đỗ Hùng S – bà Nguyễn Thị Bích L. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0307/15/HĐBĐ-199 ngày 01/10/2015 công chứng số 01525.2015/CCHH/HĐTC quyền 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2015 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà, thành phố Hà Nội.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số nhà 18, tổ 37, cụm 7 phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 10103010447, số vào sổ cấp GCN: 4349.2000.QĐUB/15559.2000 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 28/8/2000 cho ông Đỗ Hùng S – bà Nguyễn Thị Bích L. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 1420/15/HĐBĐ-193 ngày 30/12/2015 số công chứng 3369.2015/HĐTC, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2015 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi lần 1 ngày 27/9/2016.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 430 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 532921, số vào sổ cấp GCN: CS 24109 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 10/9/2015 cho bà Lê Thị Ngân. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 6311/17MB/HĐBD ngày 13/12/2017 số công chứng 04163.2017/CCHH/HĐTC, quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/12/2017.

Ngân hàng còn cấp 02 thẻ tín dụng cho Ông H và Bà L:

- Ngày 25/9/2018 ông Trần Văn H có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1809201051P với HDBank, với hạn mức thẻ là 200.000.000 đồng. Tính đến ngày 15/01/2021 Ông H còn nợ HDBank số tiền bao gồm nợ gốc 152.699.965 đồng; nợ lãi 56.485.010 đồng; phí: 171.929.579 đồng. Tổng cộng: 381.114.554 đồng.

- Ngày 16/3/2018 bà Nguyễn Thị Bích L có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1803121042C với HDBank, với hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng. Tính đến ngày 15/01/2021 Bà L còn nợ HDBank số tiền bao gồm nợ gốc 48.443.390 đồng; nợ lãi 17.109.590 đồng; phí: 57.172.244 đồng. Tổng cộng: 122.725.224 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bà L và Ông H đã đề nghị trả một phần nợ gốc là 12.000.000.000 đồng cụ thể là các - Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD ĐNGN-KUNN/CN/01 ngày 13/9/2018: Số tiền phát vay: 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 11%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN/02 ngày 06/12/2018: Số tiền phát vay: 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN/03 ngày 14/12/2018: Số tiền phát vay: 2.650.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN04 ngày 20/12/2018: Số tiền phát vay: 850.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN05 ngày 25/12/2018: Số tiền phát vay: 1.420.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN/06 ngày 04/01/2019: Số tiền phát vay: 500.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN/07 ngày 11/01/2019: Số tiền phát vay: 2.130.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN/08 ngày 21/01/2019: Số tiền phát vay: 1.690.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 9%/năm và xin giải chấp đối với hai tài sản tại địa chỉ số 430 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và số 18, tổ 37, cụm 7 phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Tháng 5/2019 HDBank đã giải chấp đối với hai tài sản thế chấp nêu trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Ông H, Bà L đã không trả nợ theo nội dung hợp đồng đã ký kết. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Ông H, Bà L trả nợ, tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng Ông H, Bà L không thực hiện theo các yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tính tới ngày 22/6/2020 Ông H, Bà L đã thanh toán cho HDBank 195.120.513 đồng tiền lãi.

Tạm tính đến ngày 15/01/2021, dư nợ khoản vay của Ông H cùng vợ là Bà L theo Hợp đồng tín dụng và các Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN09 ngày 25/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN10 ngày 28/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN11 ngày 30/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN12 ngày 31/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN13 ngày 08/3/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN14 ngày 13/3/2019 tại HDBank như sau: Nợ gốc: 6.900.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 188.408.798 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.626.419.580 đồng. Tổng cộng: 8.714.828.378 đồng.

- Tính đến ngày 15/01/2021 Ông H còn nợ HDBank theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1809201051P số tiền bao gồm nợ gốc: nợ gốc 152.699.965 đồng; nợ lãi 56.485.010 đồng; phí: 171.929.579 đồng. Tổng cộng: 381.114.554 đồng.

- Tính đến ngày 15/01/2021 Bà L còn nợ HDBank theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1803121042C số tiền bao gồm nợ gốc 48.443.390 đồng; nợ lãi 17.109.590 đồng; phí: 57.172.244 đồng. Tổng cộng: 122.725.224 đồng.

Nay HDBank đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Bích L thanh toán cho HDBank số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 6133/18MB/HĐTD tạm tính đến ngày 15/01/2021 bao gồm: Nợ gốc: 6.900.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 188.408.798 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.626.419.580 đồng. Tổng cộng: 8.714.828.378 đồng.

- Buộc ông Trần Văn H thanh toán cho HDBank số tiền tạm tính đến ngày 15/01/2021 Ông H còn nợ HDBank số tiền bao gồm nợ gốc: nợ gốc 152.699.965 đồng; nợ lãi 56.485.010 đồng; phí: 171.929.579 đồng. Tổng cộng: 381.114.554 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1809201051P ngày 25/9/2018.

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích L thanh toán cho HDBank số tiền tạm tính đến ngày 15/01/2021 Ông H còn nợ HDBank số tiền bao gồm nợ gốc 48.443.390 đồng; nợ lãi 17.109.590 đồng; phí: 57.172.244 đồng. Tổng cộng: 122.725.224 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1803121042C ngày 16/3/2018.

- Buộc Ông H, Bà L phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với Dư nợ gốc theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với HDBank kể từ ngày 16/01/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp Ông H cùng vợ là Bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì HDBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay trên để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 314 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 545500, số vào sổ cấp GCN: CS 21190 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/08/2015 cho ông Đỗ Hùng S – bà Nguyễn Thị Bích L. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0307/15/HĐBĐ-199 ngày 01/10/2015 công chứng số 01525.2015/CCHH/HĐTC quyền 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2015 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà, thành phố Hà Nội.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Ông H cùng vợ là Bà L đối với HDBank. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Ông H cùng vợ là Bà L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho HDBank.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Do bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt nên các bên đương sự không tiến hành hòa giải được.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 25/12/2020 bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào ngày 15/01/2021 theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Bích L phải trả tổng số tiền tạm tính đến hết 15/01/2021 bao gồm: nợ gốc: 6.900.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 188.408.798 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.626.419.580 đồng. Tổng cộng: 8.714.828.378 đồng và khoản lãi phát sinh sau ngày 15/01/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6133/18MB/HĐTD ngày 18/9/2018; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1809201051P ngày 25/9/2018; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1803121042C ngày 16/3/2018 và các Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN09 ngày 25/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN10 ngày 28/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN11 ngày 30/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN12 ngày 31/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN13 ngày 08/3/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN14 ngày 13/3/2019.

- Buộc Ông H thanh toán cho HDBank số tiền tạm tính đến ngày 15/01/2021 Ông H còn nợ HDBank số tiền bao gồm nợ gốc: nợ gốc 152.699.965 đồng; nợ lãi 56.485.010 đồng; phí: 171.929.579 đồng. Tổng cộng: 381.114.554 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1809201051P ngày 25/9/2018.

- Buộc Bà L thanh toán cho HDBank số tiền tạm tính đến ngày 15/01/2021 Ông H còn nợ HDBank số tiền bao gồm nợ gốc 48.443.390 đồng; nợ lãi 17.109.590 đồng; phí: 57.172.244 đồng. Tổng cộng: 122.725.224 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1803121042C ngày 16/3/2018.

- Buộc Ông H, Bà L phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với Dư nợ gốc theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với HDBank kể từ ngày 16/01/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0307/15/HĐBĐ-199 ngày 01/10/2015 công chứng số 01525.2015/CCHH/HĐTC quyền 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2015 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà, thành phố Hà Nội ký giữa HDBank và Ông H và Bà L là phù hợp với quy định pháp luật cần được chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6133/18MB/HĐTD ngày 18/9/2018; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1809201051P ngày 25/9/2018; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1803121042C ngày 16/3/2018 và các Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN09 ngày 25/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN10 ngày 28/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN11 ngày 30/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN12 ngày 31/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN13 ngày 08/3/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN14 ngày 13/3/2019 được ký giữa HDBank với Ông H và Bà L, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh nhập sữa các loại, đồ dùng trẻ em, hàng tạp hóa các loại. Do vậy, xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Bích L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 342 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do Bà L và Ông H không thanh toán được khoản nợ cho HDBank khi đến hạn trả nợ. Do vậy, HDBank đã khởi kiện Bà L và Ông H đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Bà L và Ông H phải thanh toán trả HDBank toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Do vậy, HDBank đã khởi kiện Bà L và Ông H đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Bà L và Ông H phải thanh toán trả HDBank toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không còn sinh sống tại nơi đăng ký hộ ký hộ khẩu thường trú, nhưng không thông báo cho nguyên đơn được biết. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã thông báo đối với bà Nguyễn Thị Bích L, ông Trần Văn H đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình để giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự trên phương tiện thông tin đại chúng được đăng trên Công thông tin điện tử của Tòa án, trên báo hàng ngày của trung ương trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của Trung ương 03 lần trong ba ngày liên tiếp. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo hợp lệ tại địa chỉ đăng ký hộ ký hộ khẩu thường trú của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị

quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy nhiên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6133/18MB/HĐTD ngày 18/9/2018; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1809201051P ngày 25/9/2018; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1803121042C ngày 16/3/2018 và các Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN09 ngày 25/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN10 ngày 28/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN11 ngày 30/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN12 ngày 31/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN13 ngày 08/3/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN14 ngày 13/3/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0307/15/HĐBĐ-199 ngày 01/10/2015 công chứng số 01525.2015/CCHH/HĐTC quyền 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2015 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà, thành phố Hà Nội. HDBank đã giải ngân cho Bà L và Ông H tổng số tiền là: 8.160.000.000 đồng thông qua Đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể kèm theo. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Bích L và ông Trần Văn H đã trả cho HDBank số tiền lãi là 195.120.513 đồng. Bà L, Ông H không trả lãi đầy đủ từ ngày 01/7/2019. Vì vậy, HDBank đã chuyển toàn bộ nợ của Bà L, Ông H sang nợ quá hạn theo quy định. Và từ thời điểm 01/7/2019 đến nay Bà L, Ông H không trả bất cứ khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho HDBank.

Tại phiên tòa hôm nay, HDBank xác nhận Bà L, Ông H còn nợ HDBank số tiền: Nợ gốc: 6.900.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 188.408.798 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.626.419.580 đồng. Tổng cộng: 8.714.828.378 đồng.

HDBank xác nhận bà Nguyễn Thị Bích L còn nợ HDBank số tiền: nợ gốc: 48.443.390 đồng; nợ lãi 17.109.590 đồng; phí: 57.172.244 đồng. Tổng cộng: 122.725.224 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1803121042C ngày 16/3/2018.

HDBank xác nhận ông Trần Văn H còn nợ HDBank số tiền: nợ gốc 152.699.965 đồng; nợ lãi 56.485.010 đồng; phí: 171.929.579 đồng. Tổng cộng: 381.114.554 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1809201051P ngày 25/9/2018.

Hội đồng xét xử nhận thấy Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6133/18MB/HĐTD ngày 18/9/2018; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1809201051P ngày 25/9/2018; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1803121042C ngày 16/3/2018 và các Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ kèm theo được các bên ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng này, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, tại thời điểm ký hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Bà L, Ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 01/7/2019 nên theo Điều 6.2 của Hợp đồng tín dụng quy định về chuyển nợ quá hạn và tính lãi quá hạn:

“2. Khi đến hạn nợ gốc theo các kỳ hạn hoặc kết thúc thời hạn vay, kể cả thời gian được HDBank gia hạn (nếu có) hoặc khi HDBank chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn thỏa thuận mà Bên được cấp tín dụng không trả hết nợ gốc, thì toàn bộ dư nợ gốc không được trả đúng hạn theo thỏa thuận sẽ được chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn. Trong trường hợp này, HDBank sẽ thông báo cho Bên được cấp tín dụng theo một hoặc các hình thức thông báo được quy định tại Hợp đồng này, nội dung thông báo gồm: số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn”.

Nay HDBank khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán cho HDBank số tiền còn nợ tính đến ngày 15/01/2021 là: Nợ gốc: 6.900.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 188.408.798 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.626.419.580 đồng. Tổng cộng: 8.714.828.378 đồng.

Buộc Bà L còn nợ HDBank số tiền: nợ gốc: nợ gốc 48.443.390 đồng; nợ lãi 17.109.590 đồng; phí: 57.172.244 đồng. Tổng cộng: 122.725.224 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1803121042C ngày 16/3/2018.

Buộc Ông H còn nợ HDBank số tiền: nợ gốc 152.699.965 đồng; nợ lãi 56.485.010 đồng; phí: 171.929.579 đồng. Tổng cộng: 381.114.554 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1809201051P ngày 25/9/2018.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là đúng pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Do đó, việc HDBank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả HDBank số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của HDBank:

Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không thanh toán trả cho HDBank nợ gốc và nợ lãi thì HDBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án. Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0307/15/HĐBĐ-199 ngày 01/10/2015 công chứng số 01525.2015/CCHH/HĐTC quyền 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2015 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà, thành phố Hà Nội: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 314 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 545500, số vào sổ cấp GCN: CS 21190 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/08/2015 cho ông Đỗ Hùng S, bà Nguyễn Thị Bích L. Căn cứ Điều 4 của hợp đồng thế chấp quy định về nghĩa vụ được bảo đảm: *“Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên vay/Bên được cấp tín dụng đối với HDBank (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, phạt, các khoản phải trả, bồi thường thiệt hại khác) theo Hợp đồng tín dụng số 0363/15/HĐTDTDH-CN/199 ngày 01/10/2015, các Hợp đồng tín dụng/ Hợp đồng cấp bảo lãnh khác được ký kết giữa HDBank và Bên thế chấp, Bên vay/ Bên được cấp tín dụng sau khi ký Hợp đồng này và tất cả các Phụ lục sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ của các Hợp đồng đó có dẫn chiếu đến Hợp đồng thế chấp này”*. Như vậy, tài sản nêu trên bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bà L, Ông H. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được bà L, Ông S đăng ký giao dịch bảo đảm và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai Hà Nội xác nhận thế chấp vào ngày 02/10/2015. Bà L, Ông S ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Bà L, Ông S dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của Bà L, Ông H theo các Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận các hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Vì vậy, yêu cầu của HDBank đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì HDBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 319, khoản 6 Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”. Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T;

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L, ông Trần Văn H trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6133/18MB/HĐTD ngày 18/9/2018 và các Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN09 ngày 25/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN10 ngày 28/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN11 ngày 30/01/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN12 ngày 31/01/2019; Đề

ng nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN13 ngày 08/3/2019; Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6133/18MB/HĐTD/KUNN14 ngày 13/3/2019 tạm tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2021 là: Nợ gốc: 6.900.000.000 (*Sáu tỷ, chín trăm triệu*) đồng; Nợ lãi trong hạn: 188.408.798 (*Một trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm linh tám nghìn, bảy trăm chín mươi tám*) đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.626.419.580 (*Một tỷ, sáu trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm mười chín nghìn, năm trăm tám mươi*) đồng. Tổng cộng: 8.714.828.378 (*Tám tỷ, bảy trăm mười bốn triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi tám*) đồng;

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T số tiền: nợ gốc: nợ gốc 48.443.390 (*Bốn mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm chín mươi*) đồng; nợ lãi 17.109.590 (*Mười bảy triệu, một trăm linh chín nghìn, năm trăm chín mươi*) đồng; phí: 57.172.244 (*Năm mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi bốn*) đồng. Tổng cộng: 122.725.224 (*Một trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi bốn*) đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1803121042C ngày 16/3/2018.

Buộc ông Trần Văn H còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T số tiền: nợ gốc 152.699.965 (*Một trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi lăm*) đồng; nợ lãi 56.485.010 (*Năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm mười*) đồng; phí: 171.929.579 (*Một trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm hai mươi chín đồng, năm trăm bảy mươi chín*) đồng. Tổng cộng: 381.114.554 (*Ba trăm tám mươi một triệu, một trăm mười bốn nghìn, năm trăm năm mươi bốn*) đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L1809201051P ngày 25/9/2018.

Kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2021, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Trần Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6133/18MB/HĐTD ngày 18/9/2018 và các Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cụ thể kèm theo; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số L1803121042C ngày 16/3/2018; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số L1809201051P ngày 25/9/2018 kèm theo đã ký.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị Bích L, ông Trần Văn H không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 314 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 545500, số vào sổ cấp GCN: CS 21190 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/08/2015 cho ông Đỗ Hùng S – bà Nguyễn Thị Bích L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0307/15/HĐBĐ-199 ngày 01/10/2015 công chứng số 01525.2015/CCHH/HĐTC quyền 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2015 tại Văn phòng công chứng Hồng Hà, thành phố Hà Nội.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Bà **Nguyễn Thị Bích L**, ông **Trần Văn H** phải chịu 116.714.828 (*Một trăm mười sáu triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, tám trăm hai mươi tám*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Bà **Nguyễn Thị Bích L** phải chịu 6.136.261 (*Sáu triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi mốt*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông **Trần Văn H** phải chịu 19.055.728 (*Mười chín triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi tám*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.000.000 (*Năm mươi tám triệu*) đồng theo biên lai thu số **0024870** ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

5. **Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021. Bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long